

# Đề thi số 5

## Phần I: Câu hỏi lý thuyết (50 câu)

**Câu 1:** Tại sao pháp luật lại có tính cưỡng chế nhà nước?

- A. Vì pháp luật do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của nhà nước.
- B. Vì pháp luật là ý chí của giai cấp cầm quyền.
- C. Vì pháp luật là công cụ để duy trì trật tự xã hội.
- D. Vì pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

**Đáp án: A**

**Câu 2:** Phân tích mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế. Tại sao nói kinh tế quyết định pháp luật?

- A. Kinh tế là cơ sở hạ tầng, pháp luật là kiến trúc thượng tầng. Kinh tế phát triển đến trình độ nào thì pháp luật sẽ phản ánh trình độ đó.
- B. Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển.
- C. Kinh tế và pháp luật có mối quan hệ độc lập, không tác động lẫn nhau.
- D. Pháp luật là yếu tố quyết định sự phát triển của kinh tế.

**Đáp án: A**

**Câu 3:** Giải thích tại sao pháp luật lại có tính quy phạm phổ biến?

- A. Vì pháp luật là khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi của mọi người, áp dụng chung cho tất cả các chủ thể trong phạm vi lãnh thổ.
- B. Vì pháp luật chỉ áp dụng cho một số đối tượng nhất định.
- C. Vì pháp luật chỉ áp dụng trong một thời gian nhất định.
- D. Vì pháp luật chỉ áp dụng trong một địa điểm nhất định.

**Đáp án: A**

**Câu 4:** Nêu sự khác biệt cơ bản giữa quy phạm pháp luật và quy phạm đạo đức.

- A. Quy phạm pháp luật có tính bắt buộc chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện; quy phạm đạo đức mang tính tự nguyện, được bảo đảm bằng dư luận xã hội.
- B. Quy phạm pháp luật và quy phạm đạo đức đều có tính bắt buộc chung.
- C. Quy phạm pháp luật và quy phạm đạo đức đều được nhà nước bảo đảm thực hiện.

D. Quy phạm pháp luật và quy phạm đạo đức đều mang tính tự nguyện.

**Đáp án: A**

**Câu 5:** Tại sao nhà nước lại ra đời theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin?

A. Nhà nước ra đời là sản phẩm của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, là công cụ để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác.

B. Nhà nước ra đời là do ý chí của thượng đế.

C. Nhà nước ra đời là do sự phát triển tự nhiên của gia đình.

D. Nhà nước ra đời là do sự thỏa thuận giữa những người trong xã hội.

**Đáp án: A**

**Câu 6:** Phân tích các đặc trưng cơ bản của nhà nước và ý nghĩa của chúng.

A. Nhà nước có lãnh thổ, dân cư, chủ quyền quốc gia, bộ máy cưỡng chế chuyên nghiệp, và khả năng thu thuế. Các đặc trưng này thể hiện quyền lực công cộng đặc biệt của nhà nước.

B. Nhà nước chỉ có lãnh thổ và dân cư.

C. Nhà nước chỉ có bộ máy cưỡng chế chuyên nghiệp.

D. Nhà nước chỉ có khả năng thu thuế.

**Đáp án: A**

**Câu 7:** Giải thích bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

A. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, nhà nước phục vụ lợi ích của nhân dân.

B. Nhà nước chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân.

C. Nhà nước chỉ phục vụ lợi ích của tầng lớp trí thức.

D. Nhà nước chỉ phục vụ lợi ích của nông dân.

**Đáp án: A**

**Câu 8:** Phân biệt chức năng đối nội và đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam và cho ví dụ minh họa.

A. Chức năng đối nội là quản lý các lĩnh vực trong nước (kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự); chức năng đối ngoại là quan hệ với các quốc gia khác (bảo vệ tổ quốc, hợp tác quốc tế).

Ví dụ: Đối nội - ban hành luật Giáo dục; Đối ngoại - ký hiệp định thương mại với nước ngoài.

B. Chức năng đối nội là bảo vệ tổ quốc; chức năng đối ngoại là quản lý kinh tế.

C. Chức năng đối nội là hợp tác quốc tế; chức năng đối ngoại là bảo vệ an ninh trật tự.

D. Chức năng đối nội và đối ngoại là giống nhau.

**Đáp án: A**

**Câu 9:** Tại sao cần phải phân loại cơ quan nhà nước theo nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực?

- A. Để đảm bảo quyền lực nhà nước không bị lạm dụng, tạo sự cân bằng và kiểm soát lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp).
- B. Để mỗi cơ quan nhà nước có thể hoạt động độc lập mà không cần phối hợp.
- C. Để tập trung quyền lực vào một cơ quan duy nhất.
- D. Để giảm bớt vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước.

**Đáp án: A**

**Câu 10:** Phân tích các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật và vai trò của từng yếu tố.

- A. Chủ thể (người tham gia), khách thể (lợi ích mà các bên hướng tới), nội dung (quyền và nghĩa vụ). Các yếu tố này tạo nên một quan hệ pháp luật hoàn chỉnh.
- B. Chủ thể và khách thể là đủ để tạo nên quan hệ pháp luật.
- C. Nội dung là yếu tố quan trọng nhất, quyết định quan hệ pháp luật.
- D. Các yếu tố này không có vai trò quan trọng trong quan hệ pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 11:** Giải thích sự khác biệt giữa năng lực pháp luật và năng lực hành vi của cá nhân.

- A. Năng lực pháp luật là khả năng có quyền và nghĩa vụ; năng lực hành vi là khả năng tự mình thực hiện quyền và nghĩa vụ. Năng lực pháp luật có từ khi sinh ra, năng lực hành vi có được khi đạt độ tuổi nhất định và có khả năng nhận thức.
- B. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi là giống nhau.
- C. Năng lực pháp luật chỉ có ở người lớn; năng lực hành vi có ở mọi lứa tuổi.
- D. Năng lực pháp luật là khả năng chịu trách nhiệm pháp lý; năng lực hành vi là khả năng thực hiện hành vi.

**Đáp án: A**

**Câu 12:** Phân tích cấu trúc của một quy phạm pháp luật điển hình (giả định, quy định, chế tài) và cho ví dụ.

- A. Giả định (nêu điều kiện), quy định (nêu cách xử sự), chế tài (nêu hậu quả pháp lý). Ví dụ: Nếu (giả định) một người trộm cắp tài sản, thì (quy định) sẽ bị xử lý theo pháp luật hình sự, và (chế tài) có thể bị phạt tù.
- B. Quy phạm pháp luật chỉ có giả định và quy định.

- C. Quy phạm pháp luật chỉ có quy định và chế tài.
- D. Quy phạm pháp luật chỉ có giả định và chế tài.

**Đáp án: A**

**Câu 13:** Tại sao vi phạm pháp luật phải có tính có lỗi?

- A. Lỗi là yếu tố chủ quan, thể hiện thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật và hậu quả của nó, là cơ sở để xác định trách nhiệm pháp lý.
- B. Lỗi là yếu tố khách quan, không liên quan đến trách nhiệm pháp lý.
- C. Lỗi chỉ là một trong nhiều yếu tố để xác định vi phạm pháp luật.
- D. Vi phạm pháp luật không nhất thiết phải có lỗi.

**Đáp án: A**

**Câu 14:** Phân biệt các loại lỗi (cố ý trực tiếp, cố ý gián tiếp, vô ý do quá tự tin, vô ý do cầu thả) và cho ví dụ minh họa.

- A. Cố ý trực tiếp (mong muốn hậu quả xảy ra); cố ý gián tiếp (không mong muốn nhưng để mặc); vô ý quá tự tin (tin có thể ngăn ngừa); vô ý cầu thả (không thấy trước hậu quả). Ví dụ: Cố ý trực tiếp - giết người; Vô ý cầu thả - quên khóa vòi nước gây ngập.
- B. Các loại lỗi này là giống nhau.
- C. Chỉ có lỗi cố ý và lỗi vô ý.
- D. Các loại lỗi này không có ý nghĩa trong việc xác định trách nhiệm pháp lý.

**Đáp án: A**

**Câu 15:** Giải thích tại sao trách nhiệm pháp lý là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu.

- A. Trách nhiệm pháp lý là sự áp đặt của nhà nước nhằm trừng phạt, giáo dục người vi phạm và khôi phục trật tự pháp luật, do đó nó mang tính bất lợi đối với người vi phạm.
- B. Trách nhiệm pháp lý là sự tự nguyện của người vi phạm.
- C. Trách nhiệm pháp lý là sự thỏa thuận giữa các bên.
- D. Trách nhiệm pháp lý là sự hỗ trợ của nhà nước đối với người vi phạm.

**Đáp án: A**

**Câu 16:** Phân biệt các loại trách nhiệm pháp lý (hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật) và cho ví dụ minh họa.

- A. Hình sự (tội phạm, Tòa án); Hành chính (vi phạm hành chính, cơ quan hành chính); Dân sự (thiệt hại tài sản/nhân thân, Tòa án); Kỷ luật (vi phạm nội quy, thủ trưởng cơ quan). Ví dụ: Hình sự - trộm cắp; Hành chính - vượt đèn đỏ; Dân sự - bồi thường thiệt hại do làm hỏng tài

sản; Kỷ luật - đi muộn.

B. Các loại trách nhiệm pháp lý này là giống nhau.

C. Chỉ có trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

D. Các loại trách nhiệm pháp lý này không có sự khác biệt.

**Đáp án: A**

**Câu 17:** Phân tích các loại hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

A. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn (không có thời điểm chấm dứt); hợp đồng lao động xác định thời hạn (thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng); hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.

B. Chỉ có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn.

C. Chỉ có hợp đồng lao động theo mùa vụ.

D. Không có các loại hợp đồng lao động cụ thể.

**Đáp án: A**

**Câu 18:** Giải thích nguyên tắc trả lương làm thêm giờ theo quy định của pháp luật lao động.

A. Người lao động làm thêm giờ được trả lương cao hơn so với giờ làm việc bình thường, tùy thuộc vào thời điểm làm thêm (ngày thường, ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ lễ, tết, ban đêm).

B. Người lao động làm thêm giờ không được trả lương.

C. Người lao động làm thêm giờ được trả lương bằng với giờ làm việc bình thường.

D. Người lao động làm thêm giờ được trả lương thấp hơn giờ làm việc bình thường.

**Đáp án: A**

**Câu 19:** Tại sao người sử dụng lao động không được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động nữ đang mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi?

A. Để bảo vệ quyền lợi của lao động nữ và trẻ em, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của họ.

B. Vì người lao động nữ trong trường hợp này không thể tìm được việc làm khác.

C. Vì người lao động nữ trong trường hợp này không thể làm việc.

D. Vì người lao động nữ trong trường hợp này không có lỗi.

**Đáp án: A**

**Câu 20:** Phân tích các hình thức xử lý kỷ luật lao động và nguyên tắc áp dụng.

A. Khiển trách, kéo dài thời hạn nâng lương, cách chức, sa thải. Nguyên tắc: phải đúng người,

đúng việc, đúng trình tự, thủ tục, có căn cứ pháp luật.

B. Chỉ có hình thức sa thải là hình thức xử lý kỷ luật lao động.

C. Các hình thức xử lý kỷ luật lao động không cần tuân thủ nguyên tắc nào.

D. Người sử dụng lao động có thể áp dụng bất kỳ hình thức xử lý kỷ luật nào.

**Đáp án: A**

**Câu 21:** Giải thích trách nhiệm vật chất trong lao động và các trường hợp áp dụng.

A. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người lao động gây ra cho người sử dụng lao động.

Áp dụng khi người lao động làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị, tài sản hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản của người sử dụng lao động.

B. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người sử dụng lao động gây ra cho người lao động.

C. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người lao động gây ra cho bên thứ ba.

D. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người sử dụng lao động gây ra cho bên thứ ba.

**Đáp án: A**

**Câu 22:** Phân biệt tranh chấp lao động cá nhân và tranh chấp lao động tập thể và cách giải quyết.

A. Cá nhân (giữa người lao động với người sử dụng lao động); Tập thể (giữa tập thể lao động với người sử dụng lao động). Giải quyết: hòa giải, trọng tài, tòa án.

B. Tranh chấp lao động cá nhân và tập thể là giống nhau.

C. Chỉ có tranh chấp lao động cá nhân.

D. Chỉ có tranh chấp lao động tập thể.

**Đáp án: A**

**Câu 23:** Tại sao pháp luật lại có tính hệ thống?

A. Vì các quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật có mối liên hệ nội tại, thống nhất với nhau, tạo thành một chỉnh thể hoàn chỉnh.

B. Vì pháp luật được ban hành bởi nhiều cơ quan khác nhau.

C. Vì pháp luật điều chỉnh nhiều lĩnh vực khác nhau.

D. Vì pháp luật có nhiều loại văn bản khác nhau.

**Đáp án: A**

**Câu 24:** Phân tích vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người.

A. Pháp luật quy định, công nhận và bảo vệ các quyền con người, tạo cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền của mình và yêu cầu nhà nước bảo vệ khi quyền bị xâm phạm.

B. Pháp luật không có vai trò trong việc bảo vệ quyền con người.

- C. Pháp luật chỉ bảo vệ quyền con người của một số đối tượng nhất định.
- D. Pháp luật chỉ bảo vệ quyền con người khi có sự cho phép của nhà nước.

**Đáp án: A**

**Câu 25:** Giải thích mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước.

- A. Nhà nước ban hành pháp luật, pháp luật là công cụ để nhà nước quản lý xã hội. Nhà nước tồn tại để thực hiện pháp luật và pháp luật là cơ sở để nhà nước hoạt động.
- B. Nhà nước và pháp luật không có mối quan hệ.
- C. Pháp luật tạo ra nhà nước.
- D. Nhà nước chỉ là một yếu tố nhỏ trong hệ thống pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 26:** Phân tích vai trò của pháp luật trong việc duy trì trật tự xã hội.

- A. Pháp luật thiết lập các quy tắc xử sự, tạo ra khuôn khổ pháp lý cho các quan hệ xã hội, từ đó duy trì sự ổn định và trật tự trong xã hội.
- B. Pháp luật không có vai trò trong việc duy trì trật tự xã hội.
- C. Trật tự xã hội được duy trì bởi các yếu tố khác ngoài pháp luật.
- D. Pháp luật chỉ duy trì trật tự xã hội trong một số trường hợp nhất định.

**Đáp án: A**

**Câu 27:** Giải thích khái niệm

“chủ quyền quốc gia” của nhà nước.

- A. Chủ quyền quốc gia là quyền tối cao của nhà nước trong phạm vi lãnh thổ và quyền độc lập của nhà nước trong quan hệ đối ngoại.
- B. Chủ quyền quốc gia là quyền của một quốc gia được can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.
- C. Chủ quyền quốc gia là quyền của một quốc gia được kiểm soát các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ của mình.
- D. Chủ quyền quốc gia là quyền của một quốc gia được thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc gia khác.

**Đáp án: A**

**Câu 28:** Phân tích sự khác biệt giữa văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật.

- A. Văn bản quy phạm pháp luật chứa đựng quy tắc xử sự chung, áp dụng nhiều lần; văn bản



áp dụng pháp luật chứa đựng quy tắc xử sự cá biệt, áp dụng một lần cho một trường hợp cụ thể.

B. Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan hành chính ban hành; văn bản áp dụng pháp luật do cơ quan lập pháp ban hành.

C. Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực hồi tố; văn bản áp dụng pháp luật không có hiệu lực hồi tố.

D. Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật là giống nhau.

**Đáp án: A**

**Câu 29:** Tại sao cần phải có sự kiện pháp lý để quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi, chấm dứt?

A. Sự kiện pháp lý là căn cứ thực tế để pháp luật gắn với nó việc phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật.

B. Sự kiện pháp lý là yếu tố duy nhất quyết định sự phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật.

C. Sự kiện pháp lý chỉ có vai trò thứ yếu trong quan hệ pháp luật.

D. Sự kiện pháp lý không liên quan đến quan hệ pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 30:** Phân biệt hành vi pháp lý và sự biến pháp lý và cho ví dụ.

A. Hành vi pháp lý là sự kiện xảy ra theo ý chí con người (ví dụ: ký hợp đồng); sự biến pháp lý là sự kiện xảy ra ngoài ý chí con người (ví dụ: sinh, tử, thiên tai).

B. Hành vi pháp lý và sự biến pháp lý là giống nhau.

C. Hành vi pháp lý chỉ liên quan đến cá nhân; sự biến pháp lý liên quan đến tổ chức.

D. Hành vi pháp lý là sự kiện tự nhiên; sự biến pháp lý là sự kiện xã hội.

**Đáp án: A**

**Câu 31:** Tại sao vi phạm pháp luật phải có tính trái pháp luật?

A. Tính trái pháp luật là dấu hiệu khách quan, thể hiện hành vi đó không phù hợp với các quy định của pháp luật, là cơ sở để xác định hành vi đó có phải là vi phạm pháp luật hay không.

B. Tính trái pháp luật là dấu hiệu chủ quan, thể hiện ý chí của người vi phạm.

C. Tính trái pháp luật không quan trọng trong việc xác định vi phạm pháp luật.

D. Tính trái pháp luật chỉ áp dụng cho một số loại vi phạm pháp luật nhất định.

**Đáp án: A**



**Câu 32:** Phân tích các loại vi phạm pháp luật (hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật) và hậu quả pháp lý tương ứng.

- A. Hình sự (tội phạm, bị phạt tù, tử hình); Hành chính (vi phạm hành chính, bị phạt tiền, cảnh cáo); Dân sự (vi phạm nghĩa vụ dân sự, bồi thường thiệt hại); Kỷ luật (vi phạm nội quy, bị khiển trách, sa thải).
- B. Các loại vi phạm pháp luật này đều có hậu quả pháp lý giống nhau.
- C. Chỉ có vi phạm hình sự và vi phạm hành chính là có hậu quả pháp lý.
- D. Hậu quả pháp lý không liên quan đến loại vi phạm pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 33:** Giải thích ý nghĩa của việc phân loại trách nhiệm pháp lý.

- A. Giúp xác định đúng cơ quan có thẩm quyền xử lý, hình thức xử lý và mức độ xử lý phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi vi phạm pháp luật.
- B. Việc phân loại trách nhiệm pháp lý không có ý nghĩa gì.
- C. Việc phân loại trách nhiệm pháp lý chỉ mang tính hình thức.
- D. Việc phân loại trách nhiệm pháp lý chỉ áp dụng cho một số trường hợp nhất định.

**Đáp án: A**

**Câu 34:** Tại sao pháp luật lao động lại quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi?

- A. Để bảo vệ sức khỏe người lao động, đảm bảo quyền được nghỉ ngơi, tái tạo sức lao động, đồng thời đảm bảo năng suất lao động và trật tự trong sản xuất.
- B. Để người lao động có thể làm việc không giới hạn thời gian.
- C. Để người sử dụng lao động có thể tùy ý sắp xếp thời gian làm việc.
- D. Để giảm bớt trách nhiệm của người sử dụng lao động.

**Đáp án: A**

**Câu 35:** Phân tích các trường hợp người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

- A. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc; người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị quá thời hạn quy định; do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc những lý do bất khả kháng khác; người lao động tự ý bỏ việc.
- B. Người sử dụng lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động bất cứ lúc nào.
- C. Người sử dụng lao động chỉ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi người lao động vi phạm pháp luật hình sự.
- D. Người sử dụng lao động chỉ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi có sự

đồng ý của công đoàn.

**Đáp án: A**

**Câu 36:** Phân tích các trường hợp người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

- A. Không được bố trí đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc; không được trả lương đầy đủ hoặc trả lương không đúng thời hạn; bị ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động; người lao động nữ mang thai phải nghỉ việc.
- B. Người lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động bất cứ lúc nào.
- C. Người lao động chỉ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi người sử dụng lao động vi phạm pháp luật hình sự.
- D. Người lao động chỉ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi có sự đồng ý của người sử dụng lao động.

**Đáp án: A**

**Câu 37:** Tại sao pháp luật lao động lại quy định về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất?

- A. Để duy trì trật tự, kỷ cương trong lao động, bảo vệ tài sản của người sử dụng lao động, đồng thời giáo dục người lao động ý thức tuân thủ pháp luật và nội quy lao động.
- B. Để người sử dụng lao động có thể tùy ý xử phạt người lao động.
- C. Để người lao động không phải chịu trách nhiệm khi gây thiệt hại.
- D. Để giảm bớt quyền lợi của người lao động.

**Đáp án: A**

**Câu 38:** Phân tích các nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động.

- A. Tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên; giải quyết thông qua hòa giải, trọng tài; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên; công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời.
- B. Chỉ giải quyết tranh chấp lao động thông qua tòa án.
- C. Chỉ giải quyết tranh chấp lao động thông qua hòa giải.
- D. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động không quan trọng.

**Đáp án: A**

**Câu 39:** Tại sao cần phải có sự tham gia của công đoàn trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động?

- A. Công đoàn đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, góp phần đảm bảo sự công bằng và cân bằng trong quan hệ lao động.
- B. Công đoàn không có vai trò trong việc giải quyết tranh chấp lao động.

- C. Công đoàn chỉ tham gia khi có yêu cầu của người sử dụng lao động.
- D. Công đoàn chỉ tham gia khi có yêu cầu của nhà nước.

**Đáp án: A**

**Câu 40:** Phân tích vai trò của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết tranh chấp lao động.

- A. Tòa án nhân dân là cơ quan tài phán, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp lao động khi các bên không thể tự hòa giải hoặc trọng tài không thành, đảm bảo tính pháp lý và cưỡng chế thi hành.
- B. Tòa án nhân dân không có vai trò trong việc giải quyết tranh chấp lao động.
- C. Tòa án nhân dân chỉ giải quyết tranh chấp lao động tập thể.
- D. Tòa án nhân dân chỉ giải quyết tranh chấp lao động cá nhân.

**Đáp án: A**

**Câu 41:** Giải thích khái niệm “chế định pháp luật” và cho ví dụ.

- A. Chế định pháp luật là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội cùng loại trong một ngành luật. Ví dụ: Chế định hợp đồng trong Luật Dân sự, chế định tiền lương trong Luật Lao động.
- B. Chế định pháp luật là một quy phạm pháp luật.
- C. Chế định pháp luật là một ngành luật.
- D. Chế định pháp luật là một văn bản quy phạm pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 42:** Phân tích vai trò của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- A. Hiến pháp là luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất, là nền tảng cho việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật khác, quy định những vấn đề cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- B. Hiến pháp chỉ là một văn bản pháp luật thông thường.
- C. Hiến pháp chỉ có vai trò trong việc tổ chức bộ máy nhà nước.
- D. Hiến pháp chỉ có vai trò trong việc bảo vệ quyền công dân.

**Đáp án: A**

**Câu 43:** Tại sao pháp luật phải được thể hiện dưới hình thức văn bản?

- A. Để đảm bảo tính rõ ràng, chính xác, minh bạch, dễ tiếp cận và dễ áp dụng, tránh sự tùy tiện, chủ quan trong việc thực hiện pháp luật.
- B. Để pháp luật có thể được truyền miệng.

- C. Để pháp luật có thể được thể hiện bằng phong tục, tập quán.
- D. Để pháp luật có thể được thể hiện bằng các quy tắc đạo đức.

**Đáp án: A**

**Câu 44:** Phân tích vai trò của pháp luật trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

- A. Pháp luật quy định các hành vi bị coi là tội phạm, hình phạt tương ứng, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tố, xét xử, từ đó răn đe, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.
- B. Pháp luật không có vai trò trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.
- C. Pháp luật chỉ có vai trò trong việc xử lý tội phạm sau khi đã xảy ra.
- D. Pháp luật chỉ có vai trò trong việc giáo dục người dân.

**Đáp án: A**

**Câu 45:** Giải thích nguyên tắc “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” .

- A. Mọi công dân, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội, đều phải tuân thủ pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau.
- B. Chỉ những người có địa vị cao trong xã hội mới bình đẳng trước pháp luật.
- C. Chỉ những người có tài sản mới bình đẳng trước pháp luật.
- D. Chỉ những người có học vấn cao mới bình đẳng trước pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 46:** Phân tích vai trò của pháp luật trong việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- A. Pháp luật tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh tế, bảo vệ quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, điều tiết các quan hệ kinh tế, góp phần xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Pháp luật cản trở sự phát triển của kinh tế thị trường.
- C. Pháp luật không có vai trò trong việc phát triển kinh tế thị trường.
- D. Pháp luật chỉ có vai trò trong việc quản lý nhà nước về kinh tế.

**Đáp án: A**

**Câu 47:** Giải thích khái niệm “năng lực trách nhiệm pháp lý” của chủ thể.

- A. Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của chủ thể phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra.
- B. Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của chủ thể được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp.

- C. Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của chủ thể tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý.
- D. Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của chủ thể tham gia vào các quan hệ xã hội.

**Đáp án: A**

**Câu 48:** Tại sao pháp luật lại có tính ổn định tương đối?

- A. Pháp luật cần có sự ổn định để đảm bảo trật tự xã hội, nhưng cũng cần có sự thay đổi để phù hợp với sự phát triển của xã hội và các quan hệ xã hội mới phát sinh.
- B. Pháp luật luôn luôn ổn định, không bao giờ thay đổi.
- C. Pháp luật luôn luôn thay đổi, không có sự ổn định.
- D. Pháp luật không cần có tính ổn định.

**Đáp án: A**

**Câu 49:** Phân tích vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ môi trường.

- A. Pháp luật quy định các hành vi được phép và không được phép trong hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý các hành vi gây ô nhiễm, phá hoại môi trường, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống.
- B. Pháp luật không có vai trò trong việc bảo vệ môi trường.
- C. Pháp luật chỉ có vai trò trong việc xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường.
- D. Pháp luật chỉ có vai trò trong việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.

**Đáp án: A**

**Câu 50:** Giải thích khái niệm “hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật” .

- A. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật là khả năng của văn bản đó được áp dụng và thi hành trong thực tế, bao gồm hiệu lực về thời gian, không gian và đối tượng.
- B. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật là khả năng của văn bản đó được ban hành.
- C. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật là khả năng của văn bản đó được công bố.
- D. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật là khả năng của văn bản đó được lưu trữ.

**Đáp án: A**

## Phần II: Câu hỏi tình huống thực tế (10 câu)

**Câu 51:** Anh H là nhân viên mới của công ty M. Trong quá trình thử việc, anh H phát hiện công ty M không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định. Anh H có nên tố cáo hành vi này của công ty M không? Nếu có, anh H nên tố cáo đến cơ quan nào?

- A. Anh H nên tố cáo đến cơ quan Bảo hiểm xã hội hoặc Thanh tra lao động để bảo vệ quyền lợi của mình và những người lao động khác. Việc tố cáo là quyền của công dân và được pháp luật bảo vệ.
- B. Anh H không nên tố cáo vì có thể bị công ty M sa thải.
- C. Anh H nên tự mình giải quyết với công ty M.
- D. Anh H nên bỏ qua vì đây là chuyện của công ty.

**Đáp án: A**

**Câu 52:** Chị K là công nhân may tại một xưởng sản xuất. Do đơn hàng tăng đột biến, xưởng yêu cầu chị K làm thêm 4 giờ mỗi ngày trong suốt 2 tuần liên tục, bao gồm cả ngày nghỉ hàng tuần, và chỉ trả lương làm thêm giờ bằng 100% lương cơ bản. Hỏi việc làm của xưởng có đúng pháp luật không? Chị K có quyền từ chối không?

- A. Việc làm của xưởng là sai quy định pháp luật về thời giờ làm thêm và mức lương làm thêm giờ. Chị K có quyền từ chối làm thêm giờ nếu việc đó ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc không được trả lương đúng quy định.
- B. Việc làm của xưởng là đúng pháp luật vì đơn hàng tăng đột biến.
- C. Chị K không có quyền từ chối vì đây là yêu cầu của công ty.
- D. Chị K nên chấp nhận vì sẽ có thêm thu nhập.

**Đáp án: A**

**Câu 53:** Một nhóm người dân tự ý lấn chiếm đất công để xây dựng nhà ở trái phép. Hành vi này vi phạm pháp luật loại nào? Cơ quan nào có thẩm quyền xử lý?

- A. Hành vi này là vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh tùy theo mức độ vi phạm có thẩm quyền xử lý.
- B. Hành vi này là vi phạm hình sự.
- C. Hành vi này là vi phạm dân sự.
- D. Hành vi này không vi phạm pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 54:** Ông P là cán bộ nhà nước. Ông P đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để nhận tiền hối lộ từ một doanh nghiệp. Hành vi của ông P là vi phạm pháp luật loại nào? Ông P sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?

- A. Hành vi của ông P là vi phạm hình sự (tội nhận hối lộ). Ông P sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.
- B. Hành vi của ông P là vi phạm hành chính.
- C. Hành vi của ông P là vi phạm dân sự.



D. Hành vi của ông P là vi phạm kỷ luật.

**Đáp án: A**

**Câu 55:** Một công ty sản xuất thực phẩm đã sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Hành vi này vi phạm pháp luật loại nào? Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?

A. Hành vi này có thể là vi phạm hành chính, vi phạm hình sự (tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm) và vi phạm dân sự (bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng). Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm hành chính, hình sự và dân sự tùy theo mức độ và hậu quả.

B. Hành vi này chỉ là vi phạm hành chính.

C. Hành vi này chỉ là vi phạm hình sự.

D. Hành vi này chỉ là vi phạm dân sự.

**Đáp án: A**

**Câu 56:** Anh Q và chị R kết hôn. Sau một thời gian chung sống, anh Q thường xuyên đánh đập, ngược đãi chị R. Chị R có quyền yêu cầu ly hôn không? Tòa án sẽ giải quyết như thế nào?

A. Chị R có quyền yêu cầu ly hôn. Tòa án sẽ xem xét các chứng cứ về hành vi bạo lực của anh Q để quyết định cho ly hôn, đồng thời giải quyết các vấn đề về con cái, tài sản theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

B. Chị R không có quyền yêu cầu ly hôn.

C. Tòa án sẽ không giải quyết vì đây là chuyện riêng của gia đình.

D. Tòa án sẽ yêu cầu chị R phải chịu đựng.

**Đáp án: A**

**Câu 57:** Một người dân xây dựng nhà ở không có giấy phép xây dựng. Hành vi này vi phạm pháp luật loại nào? Cơ quan nào có thẩm quyền xử lý?

A. Hành vi này là vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh tùy theo mức độ vi phạm có thẩm quyền xử lý.

B. Hành vi này là vi phạm hình sự.

C. Hành vi này là vi phạm dân sự.

D. Hành vi này không vi phạm pháp luật.

**Đáp án: A**

**Câu 58:** Một công ty xả thải trực tiếp ra sông, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Hành vi này vi phạm pháp luật loại nào? Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?



A. Hành vi này có thể là vi phạm hành chính, vi phạm hình sự (tội gây ô nhiễm môi trường) và vi phạm dân sự (bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường). Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm hành chính, hình sự và dân sự tùy theo mức độ và hậu quả.

B. Hành vi này chỉ là vi phạm hành chính.

C. Hành vi này chỉ là vi phạm hình sự.

D. Hành vi này chỉ là vi phạm dân sự.

**Đáp án: A**

**Câu 59:** Một người đi xe máy vượt đèn đỏ, bị cảnh sát giao thông dừng xe và xử phạt. Hành vi này là vi phạm pháp luật loại nào? Hình thức xử phạt là gì?

A. Hành vi này là vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Hình thức xử phạt là phạt tiền và có thể bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe.

B. Hành vi này là vi phạm hình sự.

C. Hành vi này là vi phạm dân sự.

D. Hành vi này là vi phạm kỷ luật.

**Đáp án: A**

**Câu 60:** Một người làm giả giấy tờ tùy thân để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi này vi phạm pháp luật loại nào? Người này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?

A. Hành vi này là vi phạm hình sự (tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Người này sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

B. Hành vi này là vi phạm hành chính.

C. Hành vi này là vi phạm dân sự.

D. Hành vi này là vi phạm kỷ luật.

**Đáp án: A**